

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 46

Ngành học: Sư phạm Ngữ văn

Mã ngành: 7140217

Đơn vị quản lý: Khoa Sư phạm

Hệ đào tạo chính quy

Bộ môn: Sư phạm Ngữ văn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
Học kỳ 1										
1	QP0010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30				
2	QP0011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30				
3	QP0012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		20	65			
4	QP0013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		10	10			
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				
6	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30				
		Cộng	14	14	0					
Học kỳ 2										
1	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1					
	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		
	SP512	Văn học dân gian Việt Nam	3	3		45				
	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	
	SG294	Ngữ âm học tiếng Việt	2	2		30				
	SP515	Văn học Việt Nam trung đại 1 (thế kỷ X - nửa đầu XVIII)	2	2		30				
		Cộng	20	15	5					
Học kỳ 3										
1	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		
2	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
	SP513	Nguyên lý lý luận văn học	2	2		30				
	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		
	SG212	Văn học Việt Nam trung đại 2 (nửa cuối XVIII - nửa đầu XIX)	3	3		45		SP515		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
	SG295	Từ vựng học tiếng Việt	2	2		30		SG294		
	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1					
	KN001	Kỹ năng mềm	2		2	20	20			
	ML007	Logic học đại cương	2			30				
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30				
		Cộng	18	12	6					
Học kỳ 4										
1	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
	SG420	Lý luận dạy học Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2	2		30		SP079		
	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		
	SG374	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2		30		SP513		
	SG213	Văn học Việt Nam trung đại 3 (nửa cuối thế kỷ XIX)	2	2		30		SG212		
	SP527	Văn học Châu Âu	3	3		45				
	SG377	Văn bản Hán văn Trung Quốc	2	2		30				
	SG296	Từ pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG295		
		Cộng	19	15	4					
Học kỳ 5										
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30	SG439		
	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079		
	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30				
	SG139	Phương pháp dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30	SG420		
	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079		
	SG214	Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1900 - 1930)	2	2		30		SG213		
	SP531	Tiến trình văn học	2	2		30		SG374		
	SP529	Văn học Nga	2	2		30				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
	SG219	Văn bản Hán văn Việt Nam	2	2		30		SG377		
	SG297	Củ pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG296		
		Cộng	20	18	2					
Học kỳ 6										
3	SG350	Thực tế ngoài trường Ngữ Văn	2	2			60	SG350		
	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1					
	SG455	Văn bản thông tin và phương pháp dạy văn bản thông tin	2		2	30				
	SG102	Ngôn ngữ học đại cương	2			30				
	XN219	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	2			30				
	SG215	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1930 - 1945)	2	2		30		SG214		
	SG218	Văn học Châu Á	3	3		45				
	SP534	Văn học Châu Mỹ	2	2		30				
	SG220	Văn bản chữ Nôm	2	2		30		SG219		
	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30				
	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2	2		30		SG420		
	SG208	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30	TN034		
		Cộng	20	17	3					
Học kỳ 7										
1	SG209	Tập giảng Ngữ Văn	2	2			60	SG207		
2	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2	2		15	30	SG139		
3	SG216	Văn học Việt Nam hiện đại 3 (1945 - 1975)	2	2		30		SG215		
4	SG217	Văn học Việt Nam hiện đại 4 (1975 - 2000)	2	2		30		SG215	SG216	
5	SG298	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	2		30		SP297		
6	SP533	Phong cách học tiếng Việt	2	2		30		SG297		
7	SG454	Văn bản nghị luận và phương pháp dạy văn bản nghị luận	2	2			60	SG139		
8	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				
		Cộng	20	10	10					
Học kỳ 8										
1	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SG209, SP597		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
2	SP540	Luận văn tốt nghiệp – SP. Ngữ Văn	10		10		300	≥ 105 TC		
3	SP539	Tiểu luận tốt nghiệp - Ngữ Văn	4							
4	SP536	Thơ Đường trong nhà trường phổ thông	2							
5	SG299	Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ Văn ở trường THPT	2						SP102	
6	SP535	Vấn đề đổi mới trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	2						SP085	
7	SP537	Văn xuôi quốc ngữ Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2							
8	SP596	Văn học Đồng bằng sông Cửu Long sau 1975	2							
9	SP538	Ý thức cá nhân trong Thơ Mới	2							
		Cộng	13	3	10	30				
		Tổng	141	104	37					

(*): các học phần điều kiện không tính điểm trung bình chung tích lũy

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Hội đồng KH&ĐT
Chủ tịch

Khoa Sư phạm
P.Trường Khoa

Bộ môn Sư phạm Ngữ văn
Trưởng Bộ môn





Lâm Quốc Anh

Huỳnh Anh Huy

Nguyễn Thị Hồng Hạnh